

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao chỉ tiêu kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Công văn số 136/TTg-KTTH ngày 20/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1893/QĐ-BKHĐT ngày 27/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu dự toán ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016 như các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, đơn vị trực thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *Zac*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KHĐT, Bộ TC;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV;
- Lưu: VT, KI.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục 1

KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2016			Ghi chú
		Tổng số	Vốn ĐTPPT	Vốn Sự nghiệp	
	TỔNG SỐ	201.205	127.720	73.485	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	162.405	109.620	52.785	
1.1	Theo Nghị quyết 30a	120.394	79.200	41.194	(1)
-	Huyện An Lão	39.944	26.400	13.544	
-	Huyện Vĩnh Thạnh	39.944	26.400	13.544	
-	Huyện Vân Canh	39.944	26.400	13.544	
-	Hỗ trợ công tác xuất khẩu lao động cho 3 huyện nghèo	562		562	
1.2	Dự án: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn	41.111	30.420	10.691	(2)
-	Huyện An Lão (8 xã, 8 thôn)	11.704	8.640	3.064	
-	Huyện Vĩnh Thạnh (8 xã và 4 thôn)	10.759	7.920	2.839	
-	Huyện Vân Canh (4 xã và 11 thôn)	7.507	5.580	1.927	
-	Huyện Tây Sơn (1 xã và 5 thôn)	2.408	1.800	608	
-	Huyện Hoài Ân (4 xã và 7 thôn)	6.561	4.860	1.701	
-	Huyện Phù Mỹ (1 xã)	1.227	900	327	
-	Huyện Hoài Nhơn (4 thôn)	945	720	225	
1.3	Dự án: Nhân rộng mô hình giảm nghèo	500		500	
1.4	Dự án: Nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình	400		400	
-	Đào tạo, tập huấn cán bộ giảm nghèo và công tác điều tra hộ nghèo	250		250	
-	Hoạt động truyền thông, tuyên truyền	150		150	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	38.800	18.100	20.700	(3)

(1): Vốn đầu tư phát triển theo phụ lục 02 kèm theo. Vốn sự nghiệp: đề nghị UBND các huyện ưu tiên bố trí khoản chăm sóc bảo vệ rừng

(2): Vốn đầu tư phát triển: 900 triệu/xã, 180 triệu/thôn. Vốn sự nghiệp: Phát triển sản xuất: 270 triệu xã, 45 triệu/thôn; Duy trì bảo dưỡng: 6,3% vốn đầu tư. Riêng đối với các xã có trên 04 thôn thì chỉ hỗ trợ đầu tư 4 thôn/xã, các thôn còn lại Ban Dân tộc lường đôn các đơn vị thực hiện đầu tư xoay vòng theo các năm.

(3): Chi tiết theo phụ lục 03 kèm theo.

BAN HẠNG

Duy

2016

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2016 - NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG (30a/CP)

(Kèm theo Quyết định số 475 /QĐ-UBND ngày 23/02/2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục chương trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	KH 2016	Ghi chú
1	2	3	5		8
	Tổng số		287 808	79 200	
I	UBND huyện Vân Canh		125 759	26 400	
	<i>Thanh toán khối lượng hoàn thành theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn 5382/UBND-TH ngày 10/11/2015</i>		<i>40 119</i>	<i>6 220</i>	
1	Kè thôn 4 xã Canh Hiệp	2013	2 100	300	
2	Kè thôn Kinh tế mới xã Canh Vinh	2013-2014	5 542	1 585	
3	Kè Đá Huê, xã Canh Thuận	2014-2015	4 960	580	
4	Đường Canh Lãnh - Suối Đá - Suối Dốt	2014-2015	5 488	1 000	
5	Làng Kôm Xôm, xã Canh Liên	2014-2015	13 051	1 055	
6	Cấp nước sinh hoạt xã Canh Thuận	2014-2015	8 978	1 700	
	Công trình hoàn thành		50 367	7 621	
1	Đường GTNT xã Canh Liên (Mô đường GTNT đi Canh Tiến)	2014-2016	9 893	2 900	đứt điểm
2	Đường GTNT xã Canh Liên (Đường Làng Chôm – Đốc Châm Chi giai đoạn 2 lý trình Km0+934,87 – Km1 +652,79)	2014-2016	6 416	1 060	đứt điểm
3	Đường GTNT xã Canh Liên (BTXM dốc làng Kà Bưng giai đoạn 2, lý trình Km662+42 – Km1 + 45,10)	2014-2016	5 032	820	đứt điểm
4	Trường TH Canh Liên (04PH, 04 phòng chức năng)	2014-2016	3 859	640	đứt điểm
5	XD lớp mẫu giáo thôn 4, xã Canh Hiệp	2014-2016	1 317	223	đứt điểm
6	BT các tuyến kênh mương nội đồng xã Canh Hiệp	2014-2016	2 873	190	đứt điểm
7	Nhà văn hóa các thôn xã Canh Vinh	2014-2016	1 133	262	đứt điểm
8	Trường Tiểu học Canh Hiệp (Điểm trường TH Canh Giao)	2014-2016	1 988	356	đứt điểm

FLU

2016



DVT: triệu đồng

TT	Danh mục chương trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	KH 2016	Ghi chú
9	Trường Tiểu học Canh Hòa (Các phòng chức năng)	2014-2016	3 171	78	dứt điểm
10	Nhà văn hóa thôn Thanh Minh - Canh Hiền	2014-2016	1 487	292	dứt điểm
11	01 phòng học mẫu giáo điểm lẻ Kà Xim (Xây dựng 01 phòng học, nhà vệ sinh, tường rào công nghệ, sân bê tông).	2015	1 218	800	dứt điểm
	Công trình chuyển tiếp		35 274	12 559	
1	Đường GTNT xã Canh Liên (XD đường BTXM từ dốc nhót làng Kon Lót đến giáp tuyến đường BTXM giai đoạn 2 dốc Chăm Chi).	2015-2016	8 390	3 220	
2	Nâng cấp sửa chữa hồ Làng Trại	2015-2016	5 729	2 200	
3	Nâng cấp chợ trung tâm xã Canh Hiền	2015-2016	2 168	630	
4	Xây dựng nhà văn hóa các thôn xã Canh Vinh (Nhà văn hóa kết hợp trụ sở thôn An Long 1).	2015-2016	1 136	425	
5	Nhà văn hóa làng Kon Lót	2015-2016	1 165	440	
6	Đường GTNT xã Canh Liên (BTXM từ dốc Chăm Chi đến làng Chôm)	2015-2016	6 824	2 644	
7	Cấp nước sinh hoạt cho các xã Canh Vinh, Canh Hiền và Canh Hiệp.	2015-2016	9 861	3 000	
II	Huyện An Lão		110 709	26 400	
	<i>Thanh toán khối lượng hoàn thành theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn 5382/UBND-TH ngày 10/11/2015</i>		42 053	2 389	
1	Đường đến xã An Toàn (KP lữ)	2013-2014	2.085	24	
2	Đê sông An Lão (đoạn An Hòa)	2013-2014	4.999	279	
3	Đập dâng Sông Xang	2013-2014	6.970	248	
4	Kênh mương Đập Lớn xã An Hòa	2013-2014	2.439	183	
5	Đường An Hòa - An Quang	2013-2014	10.402	40	
6	Đường An Hưng - An Hòa	2013-2014	11.121	307	
7	Đường trục ngõ - xóm Thôn 7 xã An Vinh	2013-2014	2.313	416	
8	Trường Mầm non An Vinh (nhà lớp học 02 phòng)	2013-2014	1.724	892	
	Công trình chuyển tiếp		53 656	19 011	
1	Đường chống ngập lũ phía Nam xã An Hòa	2015-2016	2.234	781	
2	Trường mẫu giáo An Hòa	2015-2016	6.735	2 312	
3	Cầu qua khu kinh tế Trung - Hưng	2015-2016	15.000	4 650	
4	Đường Liên xã An Hòa - An Hào Tây	2015-2016	14.000	5 600	

DVT: triệu đồng

TT	Danh mục chương trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	KH 2016	Ghi chú
5	Đường giao thông Nghĩa Địa đi Hồ Hưng Long (Đoạn nối tiếp)	2015-2016	5.350	1 827	
6	Mở mới tuyến đường thôn 1-3, xã An Nghĩa	2015-2016	4.947	2 210	
7	Mẫu giáo xã An Hòa (HM: xây mới 01 phòng học thôn Hưng Nhượng; XD mới 02 phòng học thôn Xuân Phong Nam; XD mới 01 phòng học Trà Cong)	2015-2016	3.300	861	
8	Mẫu giáo xã An Tân (HM: XD mới 01 phòng học Thôn Tân An; XD mới 01 phòng học thôn Thuận Hòa)	2015-2016	2.090	770	
	Công trình khởi công mới		15 000	5 000	
	Xây dựng cơ sở vật chất khu giãn dân Đồng Bàu xã An Hòa (giai đoạn 2)	2016	15.000	5 000	
III	UBND huyện Vĩnh Thạnh		145 291	26 400	
	<i>Thanh toán khối lượng hoàn thành theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn 5382/UBND-TH ngày 10/11/2015</i>		73 722	9 896	
1	Chống xói lở dọc bờ sông Kôn (Bờ kè soi Tà Mã)	2013-2014	5 613	575	
2	Kè chống xói lở Suối Xem, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	2014-2015	14 955	2 211	
3	Kênh mương nội đồng xã Vĩnh Quang	2013-2014	6 120	2 000	
4	Đường vào khu sản xuất định cư xã Vĩnh Thuận	2014-2015	4 888	1 950	
5	Bê tông xi măng đường vào Khu sản xuất làng 5, làng 6, làng 8 xã Vĩnh Thuận	2014-2015	9 550	1 600	
6	Làng Đakxung (suối Cát), xã Vĩnh Sơn	2015-2016	22 947	1 060	
7	BTXM kênh mương nội đồng xã Vĩnh Thịnh	2015-2016	9 649	500	
	Công trình hoàn thành		43 154	5 444	
1	Nhà văn hóa xã Vĩnh Sơn	2014	2 995	661	Đạt điểm
2	Mua sắm trang thiết bị dạy học cho 02 xã Vĩnh Quang, Vĩnh Thuận	2014	1 000	477	Đạt điểm
3	BTXM kênh mương nội đồng toàn xã (thôn: Vĩnh Thọ, Vĩnh Phúc) xã Vĩnh Hiệp	2014	7 694	1 680	Đạt điểm
4	BTXM kênh mương nội đồng toàn xã (thôn: An Ngoại, Vĩnh Bình, Vĩnh Hòa) xã Vĩnh Thịnh	2014	5 545	832	Đạt điểm

Handwritten signature

Handwritten mark



ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục chương trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	KH 2016	Ghi chú
5	Đường ống dẫn nước sạch (MR hệ thống cấp nước 4 xã Vĩnh Hào, Vĩnh Quang, Vĩnh Hiệp và Vĩnh Thịnh)	2013-2015	25 920	1 794	Dứt điểm
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		28 416	11 060	
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Vĩnh Hòa	2015-2016	10 986	4 295	
2	Nhà văn hóa 7 thôn, làng trong xã (thôn M6, M9), HM: nhà văn hóa thôn M9	2015-2016	1 008	395	
3	Nhà văn hóa thôn Vĩnh Hòa	2015-2016	1 255	490	
4	Nâng cấp nền đường vào các khu sản xuất tập trung (xã Vĩnh Hiệp)	2015-2016	5 769	2 240	
5	Nhà văn hóa thôn Vĩnh Trường	2015-2016	1 228	480	
6	Xây dựng nhà văn hóa 8 thôn (làng 3)	2015-2016	921	355	
7	Nhà văn hóa thôn Định Xuân	2015-2016	1 400	550	
8	BTXM kênh mương nội đồng xã Vĩnh Hào	2015-2016	1 487	580	
9	Nhà văn hóa 7 thôn, làng trong xã (thôn Tiên An)	2015-2016	1 400	540	
10	Xây dựng 8 nhà văn hóa tại 8 thôn (Làng 1)	2015-2016	967	360	
11	BTXM kênh mương nội đồng, Hạng mục: Kênh mương thôn Định Thái - Định Quang	2015-2016	1 995	775	

DW

ZVC

PHU LUC:
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2016
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số **475** /QĐ-UBND ngày **23** /02/2016 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên xã, huyện	Kế hoạch vốn năm 2016			Ghi chú
		Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	
	Tổng số	38.800	18.100	20.700	
I	Thành phố Quy Nhơn	816	387	429	*
1	Xã Nhơn Hải	148	77	71	
2	Xã Nhơn Châu	593	310	283	
3	Hỗ trợ tuyên truyền cho thành phố 14 triệu đồng; 04 xã (Nhơn Lý, Phước Mỹ, Nhơn Hải, Nhơn Châu): 10 triệu đồng/xã	54		54	
4	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo thành phố	21		21	
II	Huyện An Lão	4.867	2.472	2.395	*
1	Xã An Hưng	592	309	283	
2	Xã An Trung	592	309	283	
3	Xã An Tân	592	309	283	
4	Xã An Hòa	592	309	283	
5	Xã An Quang	592	309	283	
6	Xã An Toàn	592	309	283	
7	Xã An Vinh	592	309	283	
8	Xã An Nghĩa	592	309	283	
9	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện 16 triệu đồng; 08 xã An Hưng, An Trung, An Tân, An Hòa, An Quang, An Toàn, An Vinh, An Nghĩa): 10 triệu đồng/xã	96		96	
10	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	35		35	
III	Huyện Hoài Nhơn	3.616	1.767	1.849	*
1	Xã Hoài Thanh	592	309	283	
2	Xã Tam Quan Nam	592	309	283	
3	Xã Hoài Thanh Tây	191	100	91	
4	Xã Hoài Xuân	148	77	71	
5	Xã Hoài Hào	191	100	91	Hoàn thành nông thôn mới năm 2016
6	Xã Hoài Hải	592	309	283	
7	Xã Hoài Mỹ	592	309	283	
8	Xã Hoài Sơn	191	100	91	
9	Xã Hoài Phú	148	77	71	
10	Xã Hoài Đức	148	77	71	
11	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện 30 triệu đồng; 15 xã (Hoài Hương, Hoài Tân, Hoài Thanh, Tam Quan Nam, Hoài Xuân, Hoài Hào, Hoài Thanh Tây, Hoài Mỹ, Tam Quan Bắc, Hoài Hải, Hoài Đức, Hoài Sơn, Hoài Phú, Hoài Châu, Hoài Châu Bắc): 10 triệu đồng/xã	180		180	
12	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	51		51	
IV	Huyện Hoài Ân	3.706	1.821	1.885	*

Duy

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên xã, huyện	Kế hoạch vốn năm 2016			Ghi chú
		Tổng	Vốn ĐTP/T	Vốn sự nghiệp	
1	Xã Ân Nghĩa	592	309	283	
2	Xã Ân Hào Đông	148	77	71	
3	Xã Ân Đức	191	100	91	Hoàn thành nông thôn mới năm 2016
4	Xã Ân Sơn	592	309	283	
5	Xã Bok Tới	592	309	283	
6	Xã Đak Mang	592	309	283	
7	Xã Ân Hào Tây	148	77	71	
8	Xã Ân Mỹ	191	100	91	
9	Xã Ân Tín	148	77	71	
10	Xã Ân Hữu	148	77	71	
11	Xã Ân Tường Đông	148	77	71	
12	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện 28 triệu đồng; 14 xã (Ân Thạnh, Ân Phong, Ân Tường Tây, Ân Nghĩa, Ân Hào Đông, Ân Đức, Ân Tín, Ân Hào Tây, Ân Mỹ, Ân Tường Đông, Ân Hữu, Bok Tới, Đak Mang, Ân Sơn): 10 triệu đồng/xã	168		168	
13	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	48		48	
V	Huyện Phù Mỹ	5.618	2.803	2.815	*
1	Xã Mỹ Lợi	592	309	283	
2	Xã Mỹ Thọ	592	309	283	
3	Xã Mỹ Thành	592	309	283	
4	Xã Mỹ Châu	592	309	283	
5	Xã Mỹ Cát	592	309	283	
6	Xã Mỹ Đức	592	309	283	
7	Xã Mỹ Thắng	592	309	283	
8	Xã Mỹ An	592	309	283	
9	Xã Mỹ Phong	148	77	71	
10	Xã Mỹ Quang	191	100	91	Hoàn thành nông thôn mới năm 2016
11	Xã Mỹ Tài	148	77	71	
12	Xã Mỹ Chánh Tây	148	77	71	
13	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện 32 triệu đồng; 16 xã (Mỹ Hiệp, Mỹ Lộc, Mỹ Trinh, Mỹ Châu, Mỹ Thọ, Mỹ Lợi, Mỹ Thành, Mỹ Đức, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Thắng, Mỹ Tài, Mỹ Cát, Mỹ Hòa, Mỹ Quang, Mỹ Phong, Mỹ An): 10 triệu đồng/xã	192		192	
14	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	55		55	
VI	Huyện Vĩnh Thạnh	4.867	2.472	2.395	*
1	Xã Vĩnh Hiệp	592	309	283	
2	Xã Vĩnh Hào	592	309	283	
3	Xã Vĩnh Thuận	592	309	283	
4	Xã Vĩnh Thịnh	592	309	283	
5	Xã Vĩnh Quang	592	309	283	

Suy

2014

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên xã, huyện	Kế hoạch vốn năm 2016			Ghi chú
		Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	
6	Xã Vĩnh Hòa	592	309	283	
7	Xã Vĩnh Sơn	592	309	283	
8	Xã Vĩnh Kim	592	309	283	
9	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện 16 triệu đồng; 8 xã (Vĩnh Quang, Vĩnh Thuận, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hào, Vĩnh Hòa, Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim): 10 triệu đồng/xã	96		96	
10	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	35		35	
VII	Huyện Tây Sơn	2.140	1.003	1.137	*
1	Xã Bình Hòa	148	77	71	
2	Xã Tây Thuận	148	77	71	
3	Xã Bình Thuận	148	77	71	
4	Xã Vĩnh An	593	310	283	
5	Xã Bình Tân	148	77	71	
6	Xã Tây Giang	148	77	71	
7	Xã Bình Thành	148	77	71	
8	Xã Tây Bình	148	77	71	
9	Xã Tây Vinh	148	77	71	
10	Xã Tây Phú	148	77	71	
11	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện 28 triệu đồng; 14 xã (Bình Nghi, Bình Tường, Tây An, Tây Thuận, Bình Hòa, Bình Thuận, Bình Thành, Tây Vinh, Tây Phú, Bình Tân, Tây Xuân, Vĩnh An, Tây Bình, Tây Giang): 10 triệu đồng/xã	168		168	
12	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	47		47	
VIII	Huyện Phù Cát	4.566	2.258	2.308	*
1	Xã Cát Minh	593	310	283	
2	Xã Cát Khánh	593	310	283	
3	Xã Cát Nhơn	148	77	71	
4	Xã Cát Hưng	148	77	71	
5	Xã Cát Tường	191	100	91	
6	Xã Cát Thành	593	310	283	
7	Xã Cát Chánh	593	310	283	
8	Xã Cát Hải	593	310	283	
9	Xã Cát Sơn	148	77	71	
10	Xã Cát Lâm	191	100	91	
11	Xã Cát Hạnh	191	100	91	Hoàn thành nông thôn mới năm 2016
12	Xã Cát Tân	191	100	91	Hoàn thành nông thôn mới năm 2016
13	Xã Cát Thăng	148	77	71	

DM

30

BÌNH

TT	Tên xã, huyện	Kế hoạch vốn năm 2016			Ghi chú
		Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	
14	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện 32 triệu đồng; 16 xã (Cát Trinh, Cát Khánh, Cát Hưng, Cát Tài, Cát Minh, Cát Nhơn, Cát Tường, Cát Lâm, Cát Tiến, Cát Sơn, Cát Thắng, Cát Hải, Cát Thành, Cát Hiệp, Cát Hạnh, Cát Tân, Cát Chánh): 10 triệu đồng/xã	192		192	
15	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	53		53	
IX	Thị xã An Nhơn	1.364	631	733	*
1	Xã Nhơn Phong	191	100	91	Hoàn thành nông thôn mới năm 2016
2	Xã Nhơn Thọ	191	100	91	Hoàn thành nông thôn mới năm 2016
3	Xã Nhơn Khánh	191	100	91	Hoàn thành nông thôn mới năm 2016
4	Xã Nhơn Mỹ	148	77	71	
5	Xã Nhơn Hạnh	191	100	91	
6	Xã Nhơn Hậu	148	77	71	
7	Xã Nhơn Tân	148	77	71	
8	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện 20 triệu đồng; 10 xã (Nhơn Lộc, Nhơn Phúc, Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Khánh, Nhơn Thọ, Nhơn Mỹ, Nhơn Hậu, Nhơn Tân, Nhơn Hạnh): 10 triệu đồng/xã	120		120	
9	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	36		36	
X	Huyện Tuy Phước	1.379	631	748	*
1	Xã Phước Quang	191	100	91	
2	Xã Phước Hòa	191	100	91	
3	Xã Phước Sơn	191	100	91	Hoàn thành nông thôn mới năm 2016
4	Xã Phước Hiệp	148	77	71	
5	Xã Phước Thắng	148	77	71	
6	Xã Phước Lộc	191	100	91	Hoàn thành nông thôn mới năm 2016
7	Xã Phước Thuận	148	77	71	
8	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện 22 triệu đồng; 11 xã (Phước Nghĩa, Phước Hưng, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Hiệp, Phước Quang, Phước Thắng, Phước Lộc, Phước Thành, Phước An, Phước Thuận): 10 triệu đồng/xã	132		132	
9	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	39		39	
XI	Huyện Vân Canh	3.654	1.855	1.799	*

DML

2/2016

TT	Tên xã, huyện	Kế hoạch vốn năm 2016			Ghi chú
		Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	
1	Xã Canh Hiệp	593	310	283	
2	Xã Canh Vinh	592	309	283	
3	Xã Canh Hiền	592	309	283	
4	Xã Canh Thuận	592	309	283	
5	Xã Canh Hòa	592	309	283	
6	Xã Canh Liên	592	309	283	
7	Hỗ trợ tuyên truyền cho huyện 12 triệu đồng; 6 xã (Canh Vinh, Canh Thuận, Canh Hiền, Canh Hòa, Canh Hiệp, Canh Liên): 10 triệu đồng/xã	72		72	
8	Hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo huyện	29		29	
XII	Các nội dung khác	2.207		2.207	
1	Tuyên truyền	600		600	
2	Đào tạo, tập huấn	420		420	
3	Hỗ trợ hoạt động BCD tỉnh	571		571	
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chi cho các hoạt động kiểm tra, giám sát, tổ chức họp sơ kết, tổng kết chương trình, công tác phí đi dự hội nghị, tập huấn do Trung ương tổ chức, thăm định kết quả xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới)	311		311	
	Sở Kế hoạch và Đầu tư	80		80	
	Sở Tài chính	80		80	
	Sở Xây dựng	40		40	
	Sở Tài nguyên và Môi trường	60		60	
4	Hỗ trợ các hoạt động thu gom rác thải tại 07 xã hoàn thành năm 2014, 02 xã Mỹ Hòa, Mỹ Trinh hoàn thành năm 2015, 10 xã đăng ký hoàn thành xây dựng nông thôn mới năm 2016, tổng cộng 19 xã: 15 triệu đồng/xã	285		285	
5	Xây bể thu gom vỏ bao bì, thuốc BVTV ở 10 xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới năm 2016 (1 triệu đồng/bể) (81 thôn)	162		162	
6	Hỗ trợ truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	169		169	

*: Vốn đầu tư phát triển: UBND các huyện căn cứ đề án trình UBND tỉnh (thông qua Sở KHĐT) thỏa thuận danh mục đầu tư. Vốn sự nghiệp đã phân bổ chi tiết cho các xã: để hỗ trợ phát triển sản xuất

(Chữ ký)

(Chữ ký)